

Bản án số: 79/2022/DS-ST

Ngày: 08 - 4- 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn;

Bà Lê Thị Chí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Vy- Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T; Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Đức T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Lầu 8 , số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2020) (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 18/173 đường Lê Quang Đ, Phường 1, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – ông Trần Đức T trình bày:*

Ngày 17/8/2007 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với bà Phạm Thị Lệ T ợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ T nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại thẻ cá nhân tín chấp cho bà T với

tổng hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng, lãi suất này được tính trên từng lần giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.790.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 8.650.500 đồng. Tuy nhiên từ tháng 12/2008 cho đến nay bà T không thanh toán cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch, sao kê hàng tháng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bà T nhưng bà vẫn không trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/7/2009 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc là 12.875.984 đồng, với lãi suất quá hạn là 2.4%/tháng theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà T trả tổng cộng số tiền tính đến ngày 08/4/2022 là 60.930.149 đồng (trong đó nợ gốc là 12.875.984 đồng; tiền lãi quá hạn là 48.054.165 đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Lệ T đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để tự khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà T vẫn vắng mặt không có lý do, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền tổng cộng tính đến ngày 08/4/2022 là 60.930.149 đồng (trong đó nợ gốc là 12.875.984 đồng; tiền lãi quá hạn là 48.054.165 đồng). Ngoài ra bà T còn phải trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 09/4/2022 cho đến ngày bà T trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa Tân trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/8/2007 và thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về tố tụng:*

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T trả nợ thẻ tín dụng theo hợp đồng tín dụng ngày 17/8/2007. Bà T cư trú tại số 18/173 đường Lê Quang Định, Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về người tham gia tố tụng:*

Bị đơn bà Phạm Thị Lệ T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định bà Phạm Thị Lệ T có vay của Ngân hàng thông qua hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 17/8/2007. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 12.875.984 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 17/8/2007 là phù hợp với với khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[3]. Về tiền lãi:*

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi quá hạn là 48.054.165 đồng, theo bảng chiết tính lãi của Ngân hàng phù hợp với Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng do các bên thỏa Tân trong hợp đồng tín dụng ngày 17/8/2007 là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa Tân về lãi suất*”.

Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa Tân trong hợp đồng tín dụng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tổng cộng là 60.930.149 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm nộp án phí.

Bị đơn phải chịu án phí là 3.046.507 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

- Buộc bà Phạm Thị Lệ T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tổng cộng là 60.930.149 đồng (trong đó nợ gốc là 12.875.984 đồng; tiền lãi quá hạn là 48.054.165 đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 17/8/2007.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa Tận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 17/8/2007.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Lệ T phải chịu án phí là 3.046.507 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm lẻ bảy đồng).

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.379.040 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn mươi đồng) theo biên lai T số 0028008 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bị đơn bà Phạm Thị Lệ T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Hoàng Thị Chinh**